TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày 01-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình;

Ông Mã Văn Đâu;

Ông Nguyễn Khắc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Quan Hữu Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn L, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1987 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1963 và bà Nông Thị T, sinh năm 1962; có vợ Hoàng Thị Thu T1, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Đặng Quốc T2; sinh ngày 18 tháng 8 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P1, xã H1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T3, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị H2, sinh năm 1961; có vợ Chu Thị Y, sinh

năm 1988 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Trần Quang N; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1979 tại huyện C1, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh M (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1947; có vợ Lý Thị M1, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số: 49/QĐ-XPHC ngày 04/01/2011, bị cáo bị Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Dương Thị T4; sinh ngày 19 tháng 9 năm 1984 tại huyện B1, tỉnh Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N1, xã P2, huyện B1, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Phường Đ1, thành phố L2, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T5, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị H3, sinh năm 1963; có chồng Trương Hữu Đ2, sinh năm 1980 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 03/2006/HS-ST ngày 13/01/2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 năm tù giam về Tội mua bán trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*

1. Ông Lê Viết Đ3, Luật sư Văn phòng luật sư Triệu Loan thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn L, có mặt.

2. Ông Nông Chí K, Luật sư Văn phòng luật sư Nghĩa Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho bị cáo Dương Thị T4, có mặt.

3. Ông Vy Văn P3, Luật sư Văn phòng luật sư Nghĩa Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho bị cáo Trần Quang N, có mặt.

4. Ông Nông Văn K1, Luật sư Văn phòng luật sư Nghĩa Hiệp thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho bị cáo Đặng Quốc T2, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phan Thành K2, sinh năm 1981, vắng mặt;

2. Ông Ngô Sỹ C2; sinh năm 1988, vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Duy H4 (tên gọi khác Nguyễn Văn T), sinh năm 1987, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 23/5/2017, Tổ công tác Công an thành phố Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại đường L3, đường T7, thành phố L2 phát hiện 02 nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn đã kiểm tra, xác định là Đặng Quốc T2 và Trần Quang N phát hiện thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của Đặng Quốc T2 01 túi ni-lon màu hồng bên trong có 02 túi ni-lon trong suốt có chứa chất bột màu trắng. Đặng Quốc T2 khai đó là chất ma túy Ketamine. Tổ công tác đã đưa hai đối tượng trên đến Công an thành phố Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong thu giữ vật chứng của vụ án.

Trên cơ sở lời khai của Đặng Quốc T2 và Trần Quang N, hồi 18 giờ cùng ngày 23/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Hoàng Văn L và Dương Thị T4 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thu giữ trên người Hoàng Văn L 01 túi ni-lon màu trắng diện 02 x 2,5 cm chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy. Thu giữ tại nhà của Hoàng Văn L 01 cân tiểu ly điện tử. Hồi 09 giờ 30 phút ngày 25/5/2017, khám xét khẩn cấp nơi ở trọ của Hoàng Văn L (trú tại: Đường T8, khối 9, Phường Đ1, thành phố L2, tỉnh Lạng Sơn) đã thu giữ được 01 túi ni-lon màu trắng, bên trong có chứa bột màu trắng ở dưới gầm giường trong phòng ngủ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Quốc T2 phát hiện thu giữ: 01 túi ni-lon màu trắng, diện 02 x 03 cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy tổng hợp; 01 khẩu súng dạng tự chế, dài 50 cm, bằng kim loại và gỗ; 01 ống kim loại (dạng vỏ đạn) màu đen bên trong màu hồng trắng kích thước 06 x 02 cm; 01 ống nhựa dạng viên đạn màu xanh, đuôi bịt kim loại màu vàng, kích thước 06 x 02 cm.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

Trưa ngày 23/5/2017, có người quen tên là Ngô Sỹ C2 (sinh ngày 13/3/1988; trú tại: Đường L3, phường T7, thành phố L2) gọi điện cho Đặng Quốc T2 nói có khách cần mua ma túy loại Ketamine nên Đặng Quốc T2 đã gọi điện cho Trần Quang N để hỏi. Sau đó, Trần Quang N đã gọi điện cho Hoàng Văn L và nói có người cần mua 02 lạng ma túy. Sau khi được Hoàng Văn L cho biết giá cả, Trần Quang N đã thông báo lại cho Đặng Quốc T2 và nói 02 lạng ma túy có giá 90.000.000 đồng. Đặng Quốc T2 nói lại với Ngô Sỹ C2 và Ngô Sỹ C2 cho biết nếu mua được sẽ trả công cho Đặng Quốc T2 5.000.000 đồng. Sau đó, Trần Quang N đến nhà Đặng Quốc T2 và Hoàng Văn L lái ô tô mang biển kiểm soát 20A-19006 đến đón cả hai xuống thành phố L2. Đặng Quốc T2 và Trần Quang N cùng xuống xe tại khu vực D, đường T9 và đi đến điểm hẹn với Ngô Sỹ C2, lúc này còn có Nguyễn Duy H4 (tên gọi khác là Nguyễn Văn T6, sinh năm 1987, trú tại: Đường N2, phường T7, thành phố L2) và một người bạn của H4 là T10 (không rõ tên, tuổi, quê ở tỉnh Hải Dương) đang ngồi nói chuyện với nhau ở nhà Ngô Sỹ C2. Khoảng 10 phút sau, Đặng Quốc T2 bảo Trần Quang N gọi điện cho Hoàng Văn L hỏi xem đi đến đâu, được biết Hoàng Văn L đã đến nên Trần Quang N đi ra ngoài đường đứng chờ thì thấy Hoàng Văn L lái xe chở

Dương Thị T4 đến. Hoàng Văn L dừng xe cho Trần Quang N lên và tiếp tục điều khiển xe đi đến nhà Ngô Sỹ C2. Khi đi đến gần nhà Ngô Sỹ C2 thì thấy Đặng Quốc T2 đang chờ ở đầu ngõ, Hoàng Văn L dừng xe và bảo Dương Thị T4 đưa túi ma túy cho Đặng Quốc T2 nhưng Đặng Quốc T2 lại đi vào nhà Ngô Sỹ C2 trước nên Trần Quang N đã cất giấu túi ma túy vào túi quần bên phải và đi vào nhà Ngô Sỹ C2. Vào đến nhà, Trần Quang N bỏ ma túy ra để trên giường cho Ngô Sỹ C2 và Nguyễn Duy H4 thử ma túy xem chất lượng. Thử xong, Ngô Sỹ C2 bảo: *"Hàng ma túy kém chất lượng và không phải loại ma túy cần tìm nên không đồng ý mua"*. Nghe như vậy, Trần Quang N đã gọi điện thông báo cho Hoàng Văn L thì Hoàng Văn L bảo: *"Khách không mua thì đem về"*. Đặng Quốc T2 cầm túi ma túy cất giấu vào trong túi quần rồi cùng Trần Quang N ra về. Khi ra đến đầu ngõ thì bị Công an kiểm tra phát hiện và Tổ công tác đã đưa về Công an thành phố Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 202/KL-PC54 ngày 27/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định 01 túi ni-lon màu hồng bên trong có 02 túi ni-lon trong suốt có chứa chất bột màu trắng trong túi quần của Đặng Quốc T2 là: *"Chất bột màu trắng có trong túi ni-lon ký hiệu 01 gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có trọng lượng 69,160 gam (đã trừ bì); chất bột màu trắng có trong túi ni-lon ký hiệu 02 gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có trọng lượng 130,010 gam (đã trừ bì)"*; xác định 01 túi ni-lon màu trắng diện 02x2,5 cm chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trên người của Hoàng Văn L là: *"Chất tinh thể màu trắng, gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 1,055 gam (đã trừ bì)"*; xác định 01 túi ni-lon màu trắng, diện 02x03 cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng thu giữ tại chỗ ở của Đặng Quốc T2 là: *"Chất tinh thể màu trắng, gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 1,036 gam (đã trừ bì)"*.

Tại Kết luận giám định số: 199/KL-PC54 ngày 28/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định 01 túi ni-lon ở dưới gầm giường trong phòng ngủ của Hoàng Văn L là: *"Chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có trọng lượng 652,7 gam (đã trừ bì)"*.

Tại Kết luận giám định số: 164/GĐ-PC54 ngày 19/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định đồ vật thu giữ tại nhà của Đặng Quốc T2: *"Khẩu súng dài 51 cm gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12 không phải là vũ khí quân dụng. Hiện tại do súng thiếu hệ thống búa – cò nên súng không thể hoạt động bình thường và không có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng; 01 ống kim loại dạng vỏ đạn màu đen, dài 5,97 cm, đường kính đáy 20,2 mm gửi giám định là đạn ghém tự chế cỡ 12, không phải đạn quân dụng; 01 ống nhựa dạng viên đạn màu xanh, dài 5,76 cm, đường kính đáy 20,4 mm gửi giám định là đạn ghém cỡ 12, không phải đạn quân dụng"*.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 25/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn L về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 về Tội mua bán trái

phép chất ma túy theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, đúng tội, không oan và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L mức án 20 năm tù; xử phạt bị cáo Đặng Quốc T2 mức án từ 15 năm đến 16 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Quang N mức án từ 15 năm đến 16 năm tù; xử phạt bị cáo Dương Thị T4 mức án từ 15 năm đến 16 năm tù. Không phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy ma túy và các vật không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung công quỹ Nhà nước những vật liên quan đến tội phạm; hoàn trả những vật không liên quan đến tội phạm; trả lại chiếc xe ô tô cho bị cáo vì đây là tài sản của gia đình bị cáo, khi bị cáo sử dụng phạm tội gia đình không biết.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Hoàng Văn L phạm tội vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, dân tộc Nùng, con còn nhỏ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, không có tình tiết tăng nặng. Do đó, đề nghị cho bị cáo mức án dưới mức mà Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn L.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giám định hàm lượng chất ma túy theo một trong hai phương án: Tòa án tự trưng cầu giám định hoặc là trả hồ sơ để điều tra bổ sung để giám định hàm lượng chất ma túy, vì: Kết luận giám định có trong hồ sơ vụ án chưa kết luận về hàm lượng chất ma túy; các lời khai của các bị cáo và người liên quan đều thể hiện ma túy kém chất lượng; theo quy định tại Công văn số: 315/TANDTC-PC ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân tối cao thì các trường hợp phạm tội có khung hình phạt 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình thì phải giám định hàm lượng chất ma túy; tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư liên tịch số: 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp đã quy định: *"Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần"* bắt buộc phải giám định hàm lượng. Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định Ketamine là chất hướng thần.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quốc T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Đặng Quốc T2 có nhân thân tốt, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huân chương; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị cho bị cáo mức án dưới mức mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Quốc T2.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị T4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo Dương Thị T4 thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ số ma túy bị cáo Hoàng Văn L cất giấu dưới gầm giường; bị cáo giữ vai trò giúp sức trong vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo đều phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và Kết luận giám định vật chứng thu được. Ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23/5/2018 Đặng Quốc T2 nhờ Trần Quang N liên lạc với Hoàng Văn L để mua ma túy. Sau khi nhận được thông tin có người mua ma túy, bị cáo Hoàng Văn L đã nhờ bị cáo Dương Thị T4 đi cùng và cầm số ma túy giao cho Đặng Quốc T2 và Trần Quang N có khối lượng là 199,17 gam Ketamine. Sự việc bị phát giác, khám xét chỗ ở của Hoàng Văn L thu giữ được 652,70 gam Ketamine và 1,055 gam Methamphetamine. Về nguồn gốc toàn bộ số ma túy nêu trên, bị cáo Hoàng Văn L khai nhận: Vào ngày 10/5/2017, A L3 là người Trung Quốc đến nhà bị cáo Hoàng Văn L bàn bạc, thỏa thuận và đưa cho bị cáo Hoàng Văn L ma túy Ketamine và Methamphetamine, bị cáo Hoàng Văn L nhận ma túy của A L3 cất dấu với mục đích để bán khi có người mua. Tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ đã ban hành các danh mục về chất ma túy và tiền chất thì Ketamine là chất ma túy hướng thần thuộc danh mục III.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 về Tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[4] Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn L được quy định và trừng phạt tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cụ thể như sau: *"4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình: h) Có từ hai chất ma tuý trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này."* – Tại điểm e

khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *"e) Các chất ma tuý khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên"*.

[5] Tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 được quy định và trừng phạt tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Cụ thể như sau: *"3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm: e) Các chất ma tuý khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam"*.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi đó phải bị lên án và trừng trị trước pháp luật.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Hoàng Văn L mua ma túy với A L3 là người Trung Quốc không rõ địa chỉ, với mục đích để bán kiếm lời. Sau khi, bị cáo Hoàng Văn L mua được ma túy đã bán cho Đặng Quốc T2; Trần Quang N là người giúp sức cho Đặng Quốc T2 mua ma túy của Hoàng Văn L; bị cáo Dương Thị T4 giúp sức cho bị cáo Hoàng Văn L trong quá trình bán ma túy cho Đặng Quốc T2. Như vậy, bị cáo Hoàng Văn L có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án, bị cáo Trần Quang N và bị cáo Dương Thị T4 có vai trò thứ yếu trong vụ án. Khi lượng hình, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đảm bảo được công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[8] Ngoài ra, cũng cần xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[9] Đối với bị cáo Hoàng Văn L: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình Huân chương kháng chiến hạng nhì của ông Hoàng Văn D1 do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Bằng khen của ông Hoàng Văn D1 do có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự năm 1995. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999, ông Hoàng Văn D1 không phải bố đẻ của bị cáo. Do đó, căn cứ trên không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với bị cáo Đặng Quốc T2: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố

bị cáo là ông Đặng Văn T3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[11] Đối với bị cáo Trần Quang N: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân không tốt. Cụ thể: Tại Quyết định số: 49/QĐ-XPHC ngày 04/01/2011, bị cáo bị Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra cần xem xét vai trò đồng phạm thứ yếu của bị cáo trong vụ án, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[12] Đối với bị cáo Dương Thị T4: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân không tốt, cụ thể: Tại Bản án số: 03/2006/HS-ST ngày 13/01/2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 năm tù giam về Tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra cần xem xét vai trò đồng phạm thứ yếu của bị cáo trong vụ án, để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[13] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu điều tra, xác minh xét thấy các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý đối với những vật chúng đã thu giữ. Cụ thể:

[15] Cần tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy đã thu giữ, vì đây là vật do Nhà nước độc quyền quản lý, cấm lưu hành; tịch thu tiêu hủy, do không còn giá trị sử dụng đối với 01 (một) túi ni-lon màu đen, 01 (một) cân tiểu lý điện tử màu bạc, 01 (một) ví giả da màu vàng, cũ đã qua sử dụng;

[16] Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, đối với những chiếc điện thoại của các bị cáo đã sử dụng liên lạc trong quá trình phạm tội, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương (tang vật thu giữ của Đặng Quốc T2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu vàng cát (tang vật thu giữ của Trần Quang N); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh biển (tang vật thu giữ của Trần Quang N); 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen (tang vật thu giữ của Hoàng Văn L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu đen (tang vật thu giữ của Hoàng Văn L);

[17] Cần trả lại cho các bị cáo những tài sản và giấy tờ không liên quan đến tội phạm, cụ thể như sau:

[18] Trả lại cho bị cáo Dương Thị T4: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen.

[19] Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L: 01 thẻ Ngân hàng TECHCOMBANK mang tên Hoàng Văn L; 01 thẻ Ngân hàng AGRIBANK mang tên Hoàng Văn L; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô mang tên chủ xe Phạm Văn L4; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên chủ xe Phan Văn L4; 01 giấy chứng nhận kiểm định, biển đăng ký 20A-190.06; 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Văn L; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA moring màu xám, biển kiểm soát 20A – 19006.

[20] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA moring màu xám, biển kiểm soát 20A – 19006 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Hoàng Văn L mua của anh Phan Văn L4 chưa sang tên đổi chủ. Việc bị cáo Hoàng Văn L sử dụng xe làm phương tiện đi lại hàng ngày và sử dụng khi phạm tội nhưng vợ của bị cáo là chị Hoàng Thị Thu T1 không biết nên trả lại cho gia đình bị cáo, do bị cáo là đại diện.

[21] Đối với 01 (một) khẩu súng tự chế dài 51 cm đang lưu giữ tại Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC81); 01 ống kim loại dạng vỏ đạn màu đen; 01 ống nhựa dạng viên đạn màu xanh, hiện đang lưu giữ tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý (PC47) Công an tỉnh Lạng Sơn cần giao cho Cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn xử lý theo quy định của pháp luật.

[22] Đối với các đối tượng tên A L3, Hồ Kim M2 do Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét trong Bản án này.

[23] Đối với các đối tượng tên Ngô Sỹ C2, Nguyễn Duy H4, Công an thành phố Lạng Sơn đã tiến hành xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[24] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị T4 phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[25] Đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[26] Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giám định hàm lượng chất ma túy. Thấy rằng, vật chứng thu giữ được của các bị cáo là *"chất bột màu trắng"* theo Kết luận giám định là chất ma túy Ketamine. Tại Công văn số: 289/TANDTC-PC ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số: 2955/CSĐT(C44) ngày 29/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã xác định rõ: *"**2. Chỉ bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy nêu tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP***

sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 Mục I Phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP trong các trường hợp sau:

"a, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c, Xái thuốc phiện;

d, Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần".

[27] Như vậy, việc bắt buộc giám định hàm lượng chất ma túy chỉ khi chất ma túy được tồn tại dưới dạng: Hòa thành dung dịch; pha loãng; xái thuốc phiện; thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần. Trong vụ án này chất ma túy khi bị thu giữ ở dạng: *"Chất bột màu trắng"* không tồn tại dưới hình dạng "thuốc". Cần phải nhấn mạnh rằng, trong vụ án này chất ma túy thu giữ được không tồn tại dưới hình dạng "thuốc". Hơn nữa, Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ đã quy định rõ tại: *"Danh mục III các chất hướng thần"*. Điều đó, thể hiện ma túy Ketamine là *"chất hướng thần"* không phải là *"thuốc hướng thần"*. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để không chấp nhận yêu cầu giám định hàm lượng chất ma túy của Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang N.

[28] Các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h, khoản 4, Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hoàng Văn L;

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Đặng Quốc T2;

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trần Quang N; Dương Thị T4;

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Về tội danh và hình phạt

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 20 (hai mươi) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/5/2017.

2.2. Xử phạt bị cáo Đặng Quốc T2 15 (mười lăm) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 23/5/2017.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Quang N 15 (mười lăm) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 23/5/2017.

2.4. Xử phạt bị cáo Dương Thị T4 15 (mười lăm) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/5/2017.

2.5. Không phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4.

II. Về xử lý vật chứng

1. Tịch thu tiêu hủy

01 (một) hộp bìa cattong được niêm phong. Bên ngoài hộp có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Hoàng Đình C3 và 04 (bốn) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 195,370 gam ma túy Ketamine; 01 (một) hộp bìa cattong được niêm phong. Bên ngoài hộp có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an Phường Đ1, thành phố L2. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Bùi Ánh T11 và 04 (bốn) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 647,54 gam ma túy Ketamine; 01 (một) phong bì thư được niêm phong ký hiệu (1). Tại phần giáp lai mới mặt trước phong bì có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Hoàng Đình C3 và 02 (hai) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn. Bên trong có 0,935 gam ma túy Methamphetamine; 01 (một) phong bì thư được niêm phong ký hiệu (2). Tại phần giáp lai mới mặt trước phong bì có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H5, trợ lý giám định Hoàng Đình C3 và 02 (hai) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Mặt sau phong bì có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Bên trong có 0,936 gam ma túy Methamphetamine; 01 (một) túi nilon màu đen; 01 (một) cân tiểu lý điện tử màu bạc, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) ví giả da màu vàng, cũ đã qua sử dụng.

2. Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, số IMEI 1: 866423021347759, bên trong máy có lắp 02 (hai) sim Viettel, máy cũ đã qua sử

dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu vàng cát, số IMEI 1: 863855036795253, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh biển, số IMEI: 358902071627215, bên trong lắp 01 (một) sim, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI 1: 358908/07/875598/2, bên trong có lắp 02 (hai) sim Viettel và Vinaphone, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu đen, số IMEI 1: 356060076320682, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, máy cũ đã qua sử dụng.

3. Trả lại cho bị cáo Dương Thị T4

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen trắng, số IMEI 1: 354898080399743, bên trong có lắp 02 (hai) sim Viettel và Vinaphone, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc, số IMEI: 354389063864176, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI: 354896087591023, bên trong lắp 01 (một) sim, máy cũ đã qua sử dụng.

4. Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L

01 (một) thẻ Ngân hàng TECHCOMBANK số 4221498672096683 mang tên Hoàng Văn L; 01 (một) thẻ Ngân hàng AGRIBANK số 9704050694384392 mang tên Hoàng Văn L; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0132099 mang tên chủ xe Phạm Văn L4; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020964 mang tên chủ xe Phan Văn L4; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 1405356, biển đăng ký 20A-190.06; 01 giấy phép lái xe số 200152000662 mang tên Hoàng Văn L; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA moring màu xám, biển kiểm soát 20A – 19006, số khung: RNYSA24329C002987, số máy G4HG9P007741, xe cũ đã qua sử dụng, nứt kính trước.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2018 và giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

4. Tịch thu

01 (một) khẩu súng tự chế dài 51 cm được niêm phong bên ngoài bằng giấy trắng có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai có 02 (hai) hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn *(hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - PC81 Công an tỉnh Lạng Sơn);* 01 ống kim loại dạng vỏ đạn màu đen, dài 5,97 cm, đường kính đáy 20,2 mm; 01 ống nhựa dạng viên đạn màu xanh, dài 5,76 cm, đường kính đáy 20,4 mm *(hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý - PC47 Công an tỉnh Lạng Sơn); g*iao cho Cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn những vật chứng nêu trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

III. Về án phí:

Các bị cáo Hoàng Văn L, Đặng Quốc T2, Trần Quang N, Dương Thị T4 mỗi người phải chịu **200.000 đồng** (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm